TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1055/2020/KDTM-PT
Ngày 25 tháng 11 năm 2020
V/v: "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Ông Ngô Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06, 18 và 25/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLPT-KDTM ngày 12/8/2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2014/KDTM-ST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4991/2020/QĐXX-PT ngày 22/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 10927/2020/QĐ-PT ngày 13/10/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18140/2020/QĐPT-KDTM ngày 06/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: 2A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Thanh P1 (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Thu H1 (Có mặt)

3/ Ông Nguyễn Ánh N1 (Có mặt)

Cùng văn bản ủy quyền số 152/2019/QĐ-Lien VietPostBank ngày 11/09/2019

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại M

Địa chỉ: 147 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông D1 (Vắng mặt); Địa chỉ: 87/26 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phòng 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 97 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền ông K2 (Văn bản ủy quyền số 283-CC1 ngày 20/11/2014) (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Bà H Sinh năm: 1958

Địa chỉ: 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị Hường, sinh năm: 1982 (Có mặt); Địa chỉ liên lạc: 308 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền công chứng số 00013971 ngày 09/6/2020 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen).

3/ Ông S, sinh năm 1950

Địa chỉ: 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền bà H; Văn bản ủy quyền công chứng số 002551 ngày 03/4/2013 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành) (Vắng mặt)

4/ Ông V và bà N, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Mạnh An, sinh năm 2013 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

5/ Ông B và bà T2, đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu **Q**, sinh năm 2008 và cháu **A1**, sinh năm 2013 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

6/ Ông L2– Chủ Doanh nghiệp tư nhân ảnh màu S2và bà H3. Ông L2và bà H3 đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu H4, sinh năm 2010 và cháu H5, sinh năm 2012. (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

7/ Ông P2và bà T3, đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu V2, sinh năm 2011. (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, TPHCM

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2012, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng B) có cùng Công ty TNHH thương mại M (gọi tắt là Công ty M) Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-LienVietBank.SG ngày 07/3/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín

dụng số 023-11/HĐHMTD-Lien Viet Bank.SG/PL01 ngày 17/08/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Liên Viet Bank.SG/PL02 ngày 14/10/2011 với nội dung: Hạn mức: 21.500.000.000 đồng (bao gồm cả dư nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 003-10/HĐHMTD-SG ký ngày 23/11/2010), thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: mục đích sử dụng của từng lần cấp tín dụng do Ngân hàng và bên được cấp tín dụng thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể trong từng hợp đồng cấp tín dụng, kèm theo các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng tiền vay.

Thực hiện hợp đồng, ngày 07/3/2012 ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty M 16.972.000.000 đồng (Băng chữ: Mười sáu tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của bên vay vốn là nhà và đất tại địa chỉ số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Ông S và bà H. Việc thế chấp có lập hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bên thứ ba, số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011, được Phòng 1 chứng nhận số: 005425 và đã được đăng ký tại Văn phòng quyền sử dụng đất - Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh số đăng ký Q1-2011-00536, số thứ tự ghi sổ 000631, ngày 07/03/2011 theo đơn yêu cầu của Ngân hàng và Ông S, bà H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay vốn đã không thực hiện đúng các cam kết đã ký. Toàn bộ nợ vay, Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 07/6/2012. Tổng số tiền nợ vay, Công ty M nợ Ngân hàng tính đến ngày 23/7/2014 như sau: Nợ gốc: 16.972.000.000 đồng; Lãi vay trong hạn: 7.622.030.970 đồng (Tính từ ngày 25/5/2012 đến ngày 23/7/2014); Lãi vay quá hạn: 3.739.869.111 đồng (Tính từ ngày 07/6/2012 đến ngày 23/7/2014); Tổng cộng: 28.343.900.081 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Công ty M trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Để thu hồi nợ, yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là nhà và đất tại số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Ông S và bà H. Đồng thời, bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ vốn còn nợ của hợp đồng tín dụng nói trên, kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2014 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Công ty M không đến Tòa dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H và Ông S có đơn yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng ngày 30 tháng 10 năm 2013 và trong quá trình giải quyết vụ kiện trình bày:

Ông bà là chủ sở hữu của căn nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Gia đình ông bà kinh doanh ảnh màu S2, Công ty M cũng kinh doanh trong lĩnh vực vật tư ngành ảnh nên hai bên có mối quan hệ làm ăn lâu dài với nhau. Do sự tin tưởng ông D1, là đại diện theo pháp luật của Công ty M nên ngày 07/3/2011, vợ chồng ông bà đồng ý đem căn nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để

thế chấp đảm bảo nợ vay của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn giữa Ngân hàng B và Công ty M. Việc thế chấp được Phòng 1 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số: 005425, quyển số 3TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2011, có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 1 ngày 07/3/2011. Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1, bà phát hiện Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Của bên thứ ba) số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011, được Phòng 1 chứng nhận là vô hiệu (không có giá trị pháp luật), do bà N3 không có thẩm quyền đại diện Công ty M ký hợp đồng thế chấp nói trên. Phòng 1 chấp nhận tư cách đại diện của bà N3 theo Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 17/2/2010 là không đúng pháp luật, không có giá trị pháp lý vì biên bản này có dấu cạo sửa năm 2010 thành 2011, chữ ký của các thành viên trong biên bản họp Hội đồng thành viên, trong đó không phải chữ ký của ông H6 và bà A1. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1 xem xét: Nếu Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Của bên thứ ba) số: 023A11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 được Phòng 1 chứng nhận số: 005425 là không đúng quy định của pháp luật thì tuyên bố hợp đồng này vô hiệu, vợ chồng bà không đồng ý trách nhiệm bảo lãnh trả nợ vay của công ty M đối với Ngân hàng B; Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và phát mại tài sản thế chấp là căn nhà 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, thì Ông S **bà H** đề nghị trả nợ vốn thay cho công ty M số tiền: 16.972.000.000 đồng, nợ lãi thì đề nghị Ngân hàng không tính.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Phòng 1 Thành phố Hồ Chí Minh có ông K2 đại diện trình bày: Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở: Số công chứng 005425 ngày 07/03/2011, đối với căn nhà đất tọa lạc tại số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có Bên thế chấp: Ông S và bà H; Bên nhận thế chấp: Ngân hàng B; Bên vay vốn: Công ty M, là đúng các quy định của pháp luật.

Về trình tự thủ tục chứng nhận: Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty M vào ngày 17/02/2010 là có giá trị pháp lý; Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng thành viên gồm các thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty...; Trên Biên bản họp hội đồng thành viên có thể hiện tất cả các thành viên đã ký tên và có đóng dấu của công ty;

Về hình thức ủy quyền theo quy định của Bộ Luật dân sự 2005, không quy định ủy quyền cho người khác (Là thành viên công ty) làm đại diện cho công ty để ký kết các hợp đồng, giao dịch phải lập thành văn bản ủy quyền riêng, các bên thỏa thuận và có thể được thể hiện dưới các hình thức khác nhau như quyết định hoặc biên bản phân công, biên bản họp, văn bản ủy quyền ..v..v..

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông V, bà N, Ông B, bà T2, Ông L2– Chủ Doanh nghiệp tư nhân ảnh màu S2, bà H3, ông P2, bà T3 trình bày: Các ông bà là con của **bà H**, Ông S; các ông bà ở căn nhà 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là của ba mẹ, quá trình ở không có xây dựng, sửa chữa; Việc thế chấp cho Công ty M do cha mẹ

các ông bà quyết định. Các ông bà đồng ý với yêu cầu độc lập của ba mẹ, đề nghị được vắng mặt trong các phiên xét xử đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại số 18/2014/KDTM-ST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng:

- Điểm m khoản 1 Điều 29; Điểm b Khoản 1 Điều 33; Điểm g Khoản 1 Điều 36; Khoản 1 Điều 131; Điều 192; Điểm b Khoản 2 Điều 199, Khoản 1 Điều 202; Khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011;

- Điều 42; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 53; Điều 55 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Điều 127; Điều 142; Điều 145; Điều 146; Điều 342; Điều 343; Điều 351; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 478 và Điều 582 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91, Điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn xét xử và thi hành án về tài sản;

- Khoản 2 và Khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án có hiệu lực ngày 01/07/2009.

Xử:

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TMCP B về việc rút lại yêu cầu đòi Công ty TNHH thương mại M phải trả tiền phạt chậm trả lãi là 81.059.710 đồng.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH thương mại M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền: Vốn là 16.972.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.622.030.970 đồng (Tính từ ngày 25/5/2012 đến ngày 23/7/2014), lãi quá hạn: 3.739.869.111 đồng (Tính từ ngày 07/6/2012 đến ngày 23/7/2014); Tổng cộng: 28.343.900.081 đồng.

Thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/7/2014, tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn (Theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-LienVietBank.SG ngày 7/3/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Lien Viet Bank.SG/PL01 ngày 17/08/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Lien Viet Bank.SG/PL02 ngày 14/10/2011) giữa Ngân hàng TMCP B và Công ty TNHH thương mại M cho đến khi trả hết số nợ trên. Đến thời hạn trả nợ mà Công ty TNHH thương mại M không trả hết nợ hoặc trả không đầy đủ số nợ nói trên thì Ngân hàng

TMCP B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh do bà H - Ông S đứng tên chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bên thứ ba, số: 023A-11/HĐTC- SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 được Phòng 1 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số: 005425 và đã được đăng ký tại Văn phòng quyền sử dụng đất - Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/03/2011, theo đơn yêu cầu của Ngân hàng và Ông S, bà H.

Ông S, bà H, ông V, Ông B, Ông L2- Chủ doanh nghiệp tư nhân ảnh màu S2, bà H3, bà T2, ông P2, bà T3, bà N cùng các cháu: H4, sinh năm 2010; H5, sinh năm 2012; Q, sinh năm 2008; A1, sinh năm 2013; V2, sinh năm 2011; Nguyễn Mạnh An, sinh năm 2013 đang sinh sống tại nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phải giao nhà trên để các cơ quan chức năng phát mãi tài sản đúng quy định pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH thương mại M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ sở hữu của nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà H - Ông S, gồm: Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà cửa số 74/GP - UB do Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp ngày 02/02/1994; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất 05/10/2006; Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 23/02/1994; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số 3642 ngày 06/10/2006; Giấy phép xây dựng số 2404/GPXD ngày 26/4/1994; Biên bản nghiệm thu theo tình trạng công trình ngày 26/9/2006.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H - Ông S đối với Ngân hàng TMCP B, về việc yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất (Của bên thứ ba) số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 được Phòng 1 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số: 005425 và đã được đăng ký tại Văn phòng quyền sử dụng đất -Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/03/2011, chứng nhận số: 005425 là không có giá trị pháp luật (vô hiệu).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2014, bà H, Ông S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/10/2014 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý phúc thẩm số 150/2014/TLPT-KDTM. Do bà H đồng thời là người đại diện Ông S kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử Phúc thẩm vụ án dân sự số 923/2015/QĐ-PT ngày 30/7/2015, Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2014/KDTM-ST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

Sau khi có Quyết định đình chỉ xét xử Phúc thẩm vụ án dân sự số 923/2015/QĐ-PT ngày 30/7/2015, nguyên đơn đã làm đơn sang Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1 yêu cầu thi hành án. Quá trình thực hiện thi hành án đã phát mại nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Đ1 trúng đấu giá (đấu giá thành vào ngày 05/10/2017), nguyên đơn đã thu được số tiền gốc 16.972.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.475.978.799 đồng, tổng cộng 19.447.978.799 đồng

Tại Quyết định kháng nghị số 06/2019/KN-KDTM ngày 24/4/2019, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao kháng nghị Quyết định đình chỉ xét xử Phúc thẩm vụ án dân sự số 923/2015/QĐ-PT ngày 30/7/2015.

Ngày 08/7/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số 21/2019/KDTM-GĐT nội dung hủy Quyết định đình chỉ xét xử Phúc thẩm vụ án dân sự số 923/2015/QĐ-PT ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý phúc thẩm số 93/2019/TLPT-KDTM.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ngày 08/8/2014, xác định chỉ có bà H kháng cáo và trình bày: bà Nga không đủ tư cách đại diện Công ty M ký hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bên thứ ba vì ngân hàng không cung cấp được Quyết định bổ nhiệm bà Nga làm phó giám đốc cũng như Điều lệ công ty thời điểm ký hợp đồng; Ba người có tên trong Biên bản họp hội đồng thành viên (ông Hạnh, bà Quỳnh Anh, bà Bích Loan) không ký tên, tại thời điểm lập Biên bản họp hội đồng thành viên ông Dũng đã xuất cảnh từ 16/02/2010; Ông S, bà H bị Công ty M lừa dối. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bên thứ ba, số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 vô hiệu.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Quá trình cho vay và thế chấp, giải ngân Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Khi Công ty M không trả nợ đúng hạn, ngân hàng đã trực tiếp liên hệ bà H, Ông S, ông bà có đề nghị cho thời gian bán nhà trả nợ. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H, đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tuy nhiên chưa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; Án sơ thẩm giải quyết có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 18/12/2012 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 12, khoản 6 của Hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 07/3/2011, các bên có thỏa thuận tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng thực hiện giải quyết. Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - **bà H**, Ông S có đơn yêu cầu độc lập ngày 30/10/2013 yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba), số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 là vô hiệu.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **bà H** kháng cáo (trong hạn luật định) Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty M và đại diện của Ông S vắng mặt; Phòng 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông Vvà bà N, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Mạnh An, sinh năm 2013; Ông B, bà T2, đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu **Q**, sinh năm 2008 và cháu **A1**, sinh năm 2013; Ông L2– Chủ Doanh nghiệp tư nhân ảnh màu S2, bà H3 đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu H4, sinh năm 2010 và cháu H5, sinh năm 2012; **ông P2**, bà T3, đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu V2, sinh năm 2011, tại bản khai ngày 06, 12, 20 tháng 12 năm 2013 có đề nghị được vắng mặt trong các phiên xét xử đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **bà H**:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-LienVietBank.SG ngày 07/3/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Lien Viet Bank.SG/PL01 ngày 17/08/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Liên Viet Bank.SG/PL02 ngày 14/10/2011; Khế ước nhận nợ và chứng từ giải ngân cùng ngày 07/3/2012 đã chứng minh được nguyên đơn có cho bị đơn vay 16.972.000.000 đồng, lãi suất 20,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm xử lý chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc quá hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc 03 tháng kể từ ngày 07/3/2012.

[2.2] Để bảo đảm khoản vay của Công ty M, Ông S, **bà H** đã ký kết Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba), số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 thế chấp căn nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được Phòng 1 chứng nhận số: 005425 và đã được đăng ký tại Văn phòng quyền sử dụng đất - Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh số đăng ký Q1-2011-00536, số thứ tự ghi sổ 000631, ngày 07/03/2011.

[2.3] Đại diện **bà H** cho rằng cấp sơ thẩm đã không xem xét đến tính bất hợp lý của Biên bản họp Hội đồng thành viên ghi ngày 17/02/2010 của Công ty M vì thời điểm này ông Dũng - Chủ tịch Hội đồng thành viên không có ở Việt Nam, thành viên trong công ty như bà Quỳnh Anh, ông Hạnh, bà Bích Loan đều xác nhận các ông bà không ký.

[2.4] Theo yêu cầu của đại diện Ông S, **bà H** Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện trưng cầu giám định chữ ký của bà Quỳnh Anh, ông Hạnh, bà Bích Loan trên 02 tài liệu Biên bản họp hội đồng thành viên ghi ngày 17/02/2010 và ngày 17/02/2011. Tại Kết luận giám định số 351/KLGĐ-TT ngày 06/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

"1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn Hạnh trên hai tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Văn Hạnh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị Bích Loan trên hai tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Thị Bích Loan trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Trịnh Quỳnh Anh trên hai tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Trịnh Quỳnh Anh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không.

4. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu thập cung cấp thêm mẫu chữ ký của Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Thị Bích Loan, Nguyễn Trịnh Quỳnh Anh trên các tài liệu có sẵn thời điểm 02/2010, tháng 02/2011 với số lượng không hạn chế để tiếp tục giám định."

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã yêu cầu đại diện **bà H** tiếp tục cung cấp mẫu chữ ký của bà Quỳnh Anh, ông Hạnh, bà Bích Loan để tiếp tục thực hiện giám định chữ ký, tuy nhiên phía **bà H** không cung cấp được, vì vậy chưa có cơ sở để xác định bà Quỳnh Anh, ông Hạnh, bà Bích Loan không ký tên như các ông bà trình bày. Mặt khác Biên bản họp Hội đồng thành viên họp về việc vay tiền tại Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch Sài Gòn, theo Quyết định số 800/2010/QĐ-HĐQT ngày 25/8/2010 Phòng giao dịch Sài Gòn mới được thành lập; Và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thay đổi lần thứ 20 ngày 10/10/2009 có 06 thành viên: Anh Dũng, Hạnh, Quỳnh Anh, Mỹ Danh, Tuyết Nga và Đặng Huệ Lương, còn Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thay đổi lần thứ 21 ngày 21/4/2010 có 06 thành viên: Anh Dũng, Hạnh, Quỳnh Anh, Mỹ Danh, Tuyết Nga và Bích Loan. Biên bản họp Hội đồng thành viên đã ghi ngày 17/02/2010 đủ tên 06 thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thay đổi lần thứ 21 ngày 21/4/2010. Từ các chứng cứ trên đủ cơ sở xác định Hội đồng thành viên họp ngày 17/02/2011 không phải ngày 17/02/2010 đây chỉ là sự nhầm lẫn trong đánh máy như cấp sơ thẩm đã nhận định. Nội dung họp quyết định về vấn đề tài chính của công ty phù hợp với quy định tại Điều 10 Điều lệ "1. Trong mọi trường hợp, mỗi quyết định phải được số thành viên có phần hùn vốn trên ½ số vốn của công ty chấp thuận mới có giá trị. Các biểu quyết thông qua giá trị; 2. Các quyết định kế toán, kinh tế, tài chính, phải được biểu quyết mới có giá trị".

[2.5] Đại diện **bà H** cho rằng không có tài liệu nào chứng minh bà Nga là phó giám đốc, bà Nga không có tư cách đại diện công ty M để ký kết Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba), số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011, vấn đề này đã được phân tích và nhận định rõ trong án sơ thẩm, các thành viên công ty có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 47, khoản 3 Điều 42 Luật doanh nghiệp năm 2005.

[2.6] Xét yêu cầu độc lập của **bà H**, Ông S yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba), số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 vô hiệu: Để hợp đồng phát sinh hiệu lực tại thời điểm năm 2011 thì cần thỏa mãn các điều kiện theo quy định Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. **Bà H**, Ông S khi tham gia giao dịch thỏa mãn các điều kiện theo quy định, ông, bà tự nguyện đem tài sản của mình là căn nhà số 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp bảo đảm khoản vay của Công ty M.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thế chấp tài sản của **bà H**, Ông S thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm vì vậy khi Công ty M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ. Lập luận của đại diện theo ủy quyền của **bà H** cho rằng Hợp đồng hạn mức tín dụng và hợp đồng thế chấp có nhiều điểm mâu thuẫn, giải ngân cho Công ty M 16.972.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của hạn hợp đồng là không bảo đảm tính khách quan, **bà H**, Ông S bị Công ty M lừa dối ..., tất cả lý do đại diện theo ủy quyền của **bà H** đưa ra không chứng minh được giao dịch vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Điều 122, 127 Bộ luật dân sự năm 2005 nên án sơ thẩm nhận định và tuyên là phù hợp vì vậy kháng cáo của **bà H** không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2014/KDTM-ST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.7] Do Quyết định đình chỉ xét xử Phúc thẩm vụ án dân sự số 923/2015/QĐ-PT ngày 30/7/2015 bị hủy theo quyết định của giám đốc thẩm nên Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản đã được thi hành theo Quyết định có hiệu lực nhưng bị hủy theo quy định tại khoản 5 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Quyết định đình chỉ xét xử Phúc thẩm vụ án dân sự số 923/2015/QĐ-PT ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1 đã thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2014/KDTM-ST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định theo yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình thực hiện thi hành án, Đ1, địa chỉ 15 đường 3A, khu Hiệp Bình, khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trúng đấu giá. Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1 đã cưỡng chế giao tài sản cho người trúng đấu giá nên cấp phúc thẩm không tuyên phát mãi tài sản thế chấp.

Theo văn bản trình bày ngày 06/11/2020 của đại diện ủy quyền của **bà H** cần hủy Bản án sơ thẩm số 18/2014/KDTM-ST để xét xử lại sơ thẩm do có tình tiết mới đưa người mua trúng đấu giá vào tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty M nợ Ngân hàng B là có thật, việc Công ty M cố tình trốn tránh trách nhiệm để Ông S, **bà H** chịu trách nhiệm thay, do ông bà đã thế chấp nhà của mình để bảo đảm khoản vay của Công ty M. Việc phát mại tài sản của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1 theo quy định của pháp luật, bà Đoan trúng đấu giá theo quy định Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quyền lợi của bà Đoan được pháp luật bảo vệ, do đó không cần hủy án đưa về sơ thẩm xét xử lại vì bản chất vụ án không thay đổi. Phía **bà H**, Ông S đã trả nợ thay cho Công ty M thì có quyền khởi kiện Công ty M ở vụ án khác nếu có yêu cầu.

[2.8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ngân hàng xác định sau khi phát mại nhà 258 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã thanh toán nợ của Công ty M tiền gốc 16.972.000.000 đồng, lãi trong

hạn 2.475.978.799 đồng, tổng cộng 19.447.978.799 đồng, tính đến ngày 23/7/2014 số tiền lãi Công ty M còn nợ nguyên đơn là 8.895.921.289 đồng

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của **bà H** không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên **bà H** phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2014/KDTM-ST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 38; Khoản 1 Điều 147; Điều 148; Điều 217; Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 42; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 53; Điều 55 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Điều 127; Điều 142; Điều 145; Điều 146; Điều 342; Điều 343; Điều 351; Điều 582 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91, Điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Khoản 2 và Khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án có hiệu lực ngày 01/07/2009.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc rút lại yêu cầu đòi Công ty TNHH thương mại M phải trả tiền phạt chậm trả lãi là 81.059.710 đồng (Tám mươi mốt triệu không trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH thương mại M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền: Vốn là 16.972.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.622.030.970 đồng (Tính từ ngày 25/5/2012 đến ngày 23/7/2014), lãi quá hạn: 3.739.869.111 đồng (Tính từ ngày 07/6/2012 đến ngày 23/7/2014); Tổng cộng:

28.343.900.081 đồng (Hai mươi tám tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu chín trăm ngàn không trăm tám mươi mốt đồng).

Kể từ ngày 24/7/2014, tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn (Theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-LienVietBank.SG ngày 07/3/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Lien Viet Bank.SG/PL01 ngày 17/08/2011, phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 023-11/HĐHMTD-Lien Viet Bank.SG/PL02 ngày 14/10/2011) giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và Công ty TNHH thương mại M cho đến khi trả hết số nợ trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H - Ông S đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần B, về việc yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất (Của bên thứ ba) số: 023A-11/HĐTC-SG/BĐ ngày 07 tháng 3 năm 2011 được Phòng 1 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số: 005425 và đã được đăng ký tại Văn phòng quyền sử dụng đất - Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh số đăng ký Q1-2011-00536, số thứ tự ghi sổ 000631, ngày 07/03/2011 là không có giá trị pháp luật (vô hiệu).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH thương mại M phải chịu là 136.343.900 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã được Chi cục thi hành án dân sự Quận 1 hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 63.963.480 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 06199 ngày 20/12/2012 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1.

Bà H, Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), đã cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04023 ngày 30/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1. Bà H, Ông S đã nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà H phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) số tiền này đã cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05483 ngày 08/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí giám định 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) bà H tự chịu, **bà H** đã đóng đủ tiền lệ phí giám định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo